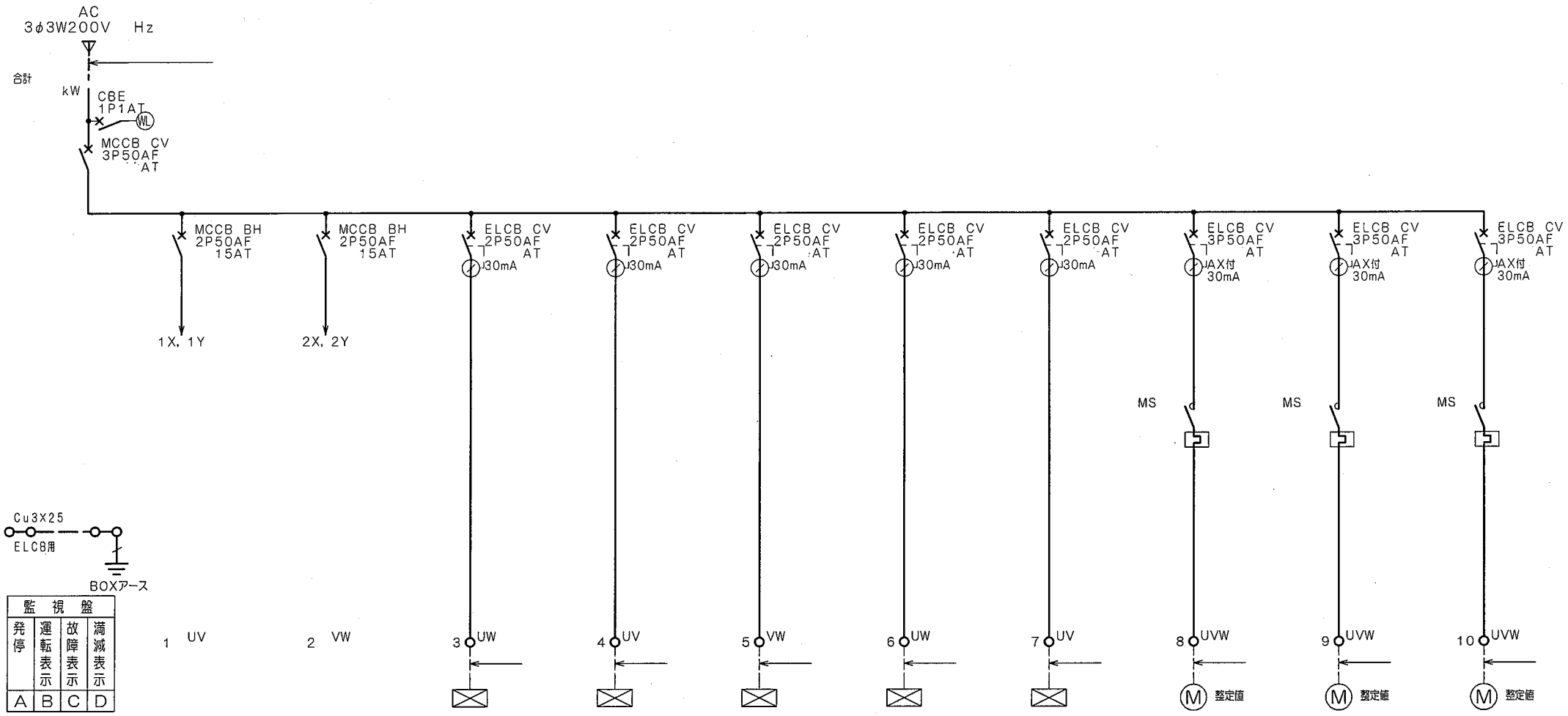

負荷容量										
負荷記号										
負荷名称	操作電源	自動制御電源								
操作								COS, BSx2	COS, BSx2	COS, BSx2
表示								GL, OL, RL	GL, OL, RL	GL, OL, RL
液面リレー										
警報器	Bz, BS									
監視盤								C	C	C
備考										

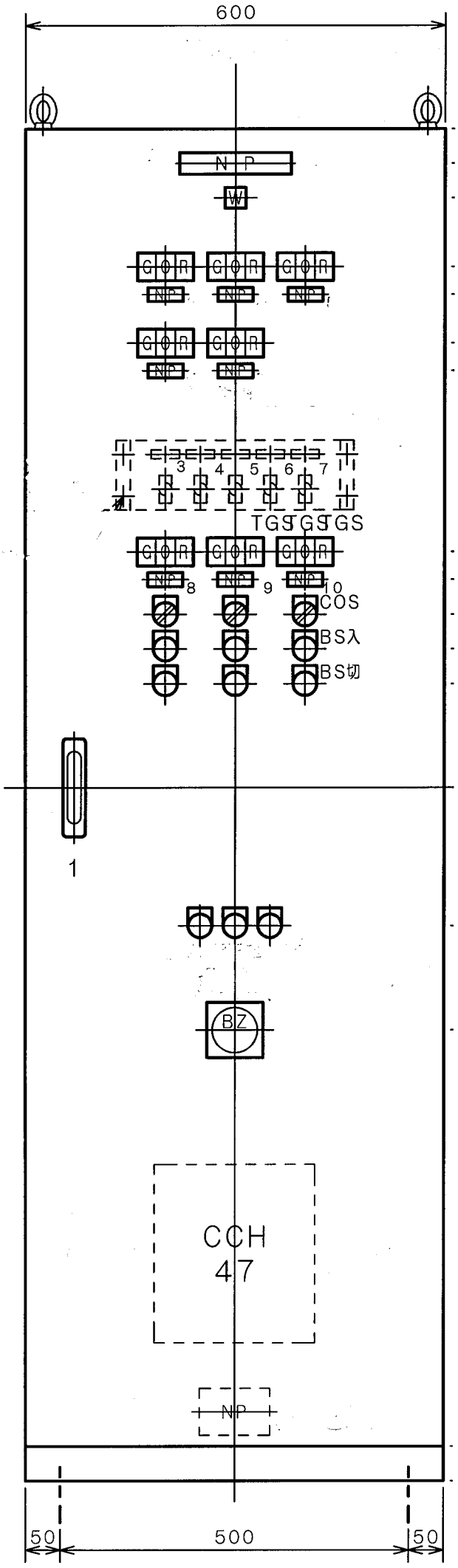
600
N P
W
G O R
NP
3
4
5
6
7
TGS
8
9
10
COS
BS入
BS切
1
BZ
CCH
47
NP
50
500
50